TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 186/2018/LĐ-ST.
Ngày 28-11-2018
V/v tranh chấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và tiền lương.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Thải.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Nguyễn Thị Hồng Tươi.**
2. Bà **Trần Thị Thiếu Liên.**

***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Mai Lệ –** Thư ký Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B *tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thu Thương Thương** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2018/TLST - LĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018, về tranh chấp BHXH, BHYT, BHTN và tiền lương theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 479/2018/QĐXXST-LĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 333/2018/QĐST-LĐ ngày 05/11/2018, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Bé B**, sinh năm 1983;
Địa chỉ: xã P, huyện P, Tỉnh A.
Địa chỉ liên lạc: Công ty TNHH B V.
Có ông Dương Thế N, đại diện ủy quyền theo giấy ủy quyền lập ngày 28/3/2018, có chứng thực số 02778/2018, quyển số 01/2018-SCT/CK, ĐC của UBND phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: **Công ty TNHH B V;**
Địa chỉ: phường B, quận B, Thành phố H.
Đại diện theo pháp luật: Ông P, chức vụ giám đốc Công ty TNHH B V. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, Bà Huỳnh Thị Bé B có ông Dương Thế N là đại diện ủy quyền, trình bày: Bà B là người lao động làm việc tại Công ty TNHH B V từ năm 2012 có ký hợp đồng lao động không số ngày 01/8/2012 và sau đó tiếp tục ký hợp đồng lao động số HD3-00189/HĐLĐ ngày 04/8/2014. Hiện nay Công ty TNHH B V đã ngưng

hoạt động từ sau kỳ nghỉ tết âm lịch vì người sử dụng lao động không có mặt tại doanh nghiệp, công ty chỉ đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà B đến hết tháng 5/2017, và chưa giải quyết các chế độ khác cho bà B.

Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình bà B yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Buộc Công ty TNHH B V phải truy đóng các khoản tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong giai đoạn từ tháng 6/2017 đến tháng 01/2018 với số tiền là 9.108.706 đồng. Đồng thời yêu cầu Công ty TNHH B V thanh toán các khoản sau: 70% tiền lương ngừng việc trong tháng 10/2017 là 1.609.528 đồng; tiền lương tháng 2/2018 (tính đến ngày 12/2/2018 là ngày làm việc cuối cùng) tương đương 09 ngày lương là 2.480.121 đồng; tiền phép năm (15 ngày) của năm 2017 là 2.430.577 đồng và tiền lương của tháng 13 năm 2017 là 4.269.798 đồng. Công ty TNHH B V phải phải truy đóng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và thanh toán các khoản tiền nói trên làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà B rút lại yêu cầu khởi kiện về chốt và trả sổ Bảo hiểm xã hội đối với Công ty TNHH B V.

Công ty TNHH B V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu có mặt để Tòa án tiến hành xét xử giải quyết việc tranh chấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và tiền lương với bà B nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với Công ty TNHH B V.

Tại phiên toà hôm nay:

Bà Huỳnh Thị Bé B có ông Dương Thế N đại diện ủy quyền vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Công ty TNHH B V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu có mặt để Tòa án tiến hành xét xử giải quyết việc tranh chấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và tiền lương với bà B, nhưng vắng mặt không có lý do.

Căn cứ Điều 228, Bộ luật tố dụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới trước thời điểm xét xử, thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật như thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, tuân thủ đúng pháp luật; Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và tiền lương, Công ty TNHH B V có trụ sở tại phường B, quận B, Thành phố H, theo quy định tại Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H.

Bà Huỳnh Thị Bé B làm việc tại Công ty TNHH B V và giữa đôi bên có ký hợp đồng lao động từ năm 2014, đây là quan hệ lao động được xác lập khi Bộ luật lao động năm 2012 có hiệu lực, nên áp dụng các quy định của Bộ luật lao động năm 2012 và các văn bản pháp luật hướng dẫn áp dụng, để giải quyết.

[2]. Về nội dung: Giữa bà Huỳnh Thị Bé B với Công ty TNHH B V có ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn số HD3-00189/HĐLĐ ngày 04/8/2014. Trong quá trình làm việc tại Công ty TNHH B V thì phía công ty không thực hiện đóng đầy đủ đóng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp bắt buộc đối với bà B từ tháng 6/2017 đến tháng 01/2018 và không thanh toán các khoản: tiền lương ngừng việc tháng 10/2017; tiền lương tháng 2/2018; tiền phép năm 2017 và tiền lương tháng 13 của năm 2017 như thỏa thuận trong hợp đồng lao động số HD3-00189/HĐLĐ ngày 04/8/2014 đã được ký giữa đôi bên. Nên, bà B có ông Dương Thế N đại diện ủy quyền, gửi đơn yêu cầu Phòng Lao động Thương binh và Xã hội quận B hòa giải. Ngày 17/4/2018, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội quận B đã cử Hòa giải viên lao động tiến hành hòa giải giữa đôi bên, tuy nhiên không thể hòa giải được do phía người sử dụng lao động là Công ty TNHH B V vắng mặt nên Hòa giải viên lao động đã lập biên bản hòa giải không thành vụ tranh chấp lao động. Vì vậy, bà B khởi kiện buộc Công ty TNHH B V phải truy đóng các khoản tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thanh toán các khoản tiền lương còn thiếu nói trên.

Qua yêu cầu của bà Huỳnh Thị Bé B, HĐXX xét thấy:

Đối với yêu cầu Công ty TNHH B V phải truy đóng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong giai đoạn từ tháng 6/2017 đến tháng 01/2018 với số tiền là 9.108.706 đồng.

Theo khoản 2 Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động: "*Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 và hằng tháng trích từ tiền lương của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội*".

Theo danh sách mà Công ty TNHH B V chưa thực hiện đóng các khoản tiền bảo hiểm cho người lao động do Bảo hiểm xã hội quận B, Thành phố H cung cấp, thì: Công ty TNHH B V chưa đóng các khoản tiền bảo hiểm cho bà Huỳnh Thị Bé B, có sổ BHXH số 7912249129, là 9.108.706 đồng. Do đó, yêu cầu của bà B về việc buộc Công ty TNHH B V phải truy đóng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với số tiền là 9.108.706 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH B V thanh toán các khoản sau: 70% tiền lương ngừng việc trong tháng 10/2017 là 1.609.528 đồng; tiền lương tháng 2/2018 (tính đến

ngày 12/2/2018 là ngày làm việc cuối cùng) tương đương 09 ngày lương là 2.480.121 đồng; tiền phép năm (15 ngày) của năm 2017 là 2.430.577 đồng và tiền lương của tháng 13 năm 2017 là 4.269.798 đồng.

Theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật lao động năm 2012 quy định: "*Tranh chấp lao động cá nhân phải thông qua thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động trước khi yêu cầu tòa án giải quyết, trừ các tranh chấp lao động sau đây không bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải: a) Về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải hoặc tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động; b) Về bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động; c) Giữa người giúp việc gia đình với người sử dụng lao động; d) Về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, về bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế; đ) Về bồi thường thiệt hại giữa người lao động với doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*".

Như vậy, bà B có tranh chấp về tiền lương, đây là tranh chấp thuộc trường hợp phải thông qua thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động trước khi yêu cầu tòa án giải quyết. Ngày 17/4/ 2018, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận B đã tiến hành hòa giải đối với tranh chấp trên và Hòa giải viên lao động đã lập biên bản hòa giải không thành vụ tranh chấp lao động. Do đó, yêu cầu của bà B là đúng theo quy định của pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật lao động năm 2012 và Điều 32 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ: Bảng tính lương tháng 10/2017, thì Công ty TNHH B V còn nợ lương bà B số tiền là 1.609.528 đồng; Bảng tính lương tháng 02/2018 thì Công ty TNHH B V còn nợ lương bà B số tiền là 2.480.121 đồng; Bảng lương phép năm 2017, bà B được nhận số tiền phép năm là 2.430.577 đồng và danh sách thưởng năm 2017 (lương tháng 13 của năm 2017) mà Công ty TNHH B V chưa thanh toán cho bà B là 4.269.798 đồng.

Do đó, yêu cầu của bà B buộc Công ty TNHH B V phải thanh toán các khoản còn nợ gồm: tiền lương ngừng việc tháng 10/2017; tiền lương tháng 2/2018; tiền phép năm của năm 2017 và tiền lương của tháng 13 năm 2017 với tổng cộng số tiền là 10.790.024 đồng (Mười triệu bảy trăm chín mươi ngàn không trăm hai mươi bốn đồng), thanh toán làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Ngày 27/6/2018, Bà B có ông Dương Thế N rút lại yêu cầu khởi kiện về chốt và trả sổ Bảo hiểm xã hội đối với Công ty TNHH B V.Việc rút yêu cầu của bà B là tự nguyện, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu này.

[3]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, là phù hợp với quy định của pháp luật, có căn cứ nên chấp nhận.

[4]. Về án phí lao động sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 144 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Công ty TNHH B V có nghĩa vụ truy đóng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và phải thanh toán các khoản tiền còn nợ cho bà B với tổng cộng số tiền là 19.898.730 đồng nên phải chịu án phí trên số tiền phải thực hiện nghĩa vụ là 19.898.730 đồng.

Số tiền án phí là 19.898.730 đồng x 3% = 596.961,9 đồng => 596.962 đồng. Công ty TNHH B V phải chịu án phí là **596.962 đồng**.

Đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bé B thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 203; Điều 217; Điều 220; Điều 227; Điều 228 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự *;*

Căn cứ các điều 22, 90, 96, 98, 103, 111, 114 và 201 Bộ luật lao động năm 2012*;*

Căn cứ Điều 17; khoản 2 Điều 21 và khoản 3 Điều 122 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014**;**

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của UBTVQH.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bé B.

* Buộc Công ty TNHH B V phải truy đóng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Huỳnh Thị Bé B (sổ BHXH số 7912249129) từ tháng 6/2017 đến tháng 01/2018 với số tiền là 9.108.706 đồng (Chín triệu, một trăm lẻ tám nghìn, bảy trăm lẻ sáu đồng). Truy đóng làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty TNHH B V chậm truy đóng các khoản bảo hiểm xã hội trên thì Công ty TNHH B V còn phải nộp số tiền lãi bằng 02 lần mức lãi suất đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền, thời gian chậm đóng.

* Buộc Công ty TNHH B V phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị Bé B các khoản gồm: tiền lương ngừng việc tháng 10/2017; tiền lương tháng 2/2018; tiền phép năm của năm 2017 và tiền lương của tháng 13 năm 2017 với tổng cộng số tiền là 10.790.024 đồng (Mười triệu bảy trăm chín mươi ngàn không trăm hai mươi bốn đồng), thanh toán làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty TNHH B V chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Huỳnh Thị Bé B về việc buộc Công ty TNHH B V phải làm thủ tục chốt và trả sổ Bảo hiểm xã hội.

Đôi bên thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí LĐST: Công ty TNHH B V phải chịu án phí là **596.962 đồng** (Năm trăm chín mươi sáu ngàn chín trăm sáu mươi hai đồng).

Đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bé B thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại địa phương. Đối với yêu cầu khởi kiện do đương sự rút yêu cầu đã được đình chỉ, đương sự bà Huỳnh Thị Bé B được kháng cáo trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại địa phương.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

(Đã giải thích quy định về quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự).

Nơi nhận:
- TAND TP.H;
- VKSND quận B;
- CC THADS quận B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ –VP (Mai Lệ).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Thành Thải